

Bản án số: **11/2020/HNGĐ-ST**

Ngày **11/6/2020**

Về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Việt Tím**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 293/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị L** - sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: số 54, tổ 09, ấp Đ , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: số 289, ấp Đ , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Phan Văn N** - sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: số 54, tổ 09, ấp Đ , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L trình bày:** Chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn N tự tìm hiểu quen nhau khoảng 01 năm thì tổ chức đám cưới vào năm 2007, đăng ký kết hôn tại UBND xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang ngày 20/8/2007.

Lý do xin ly hôn: Vợ chồng chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc, đến khoảng tháng 6/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh N thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn để nuôi sống vợ con, anh N hay ghen tuông vô cớ về nhà kiểm chuyện đập phá đồ đạc đánh chửi chị L nên chị L làm đơn xin ly hôn với anh N lần

thứ nhất vào tháng 01/2019. Tòa án đã hòa giải để vợ chồng tiếp tục chung sống, nhưng khoảng hơn 1 tháng thì anh N lại chứng nào tật nấy, thấy chung sống với nhau không hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 6/2019 cho đến nay.

- Về con chung: vợ chồng chung sống có 01 con Phan Thanh T, sinh ngày 05/9/2007. Hiện cháu T đang sống với chị L.

Nay tại Tòa án chị Loan yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L yêu cầu được ly hôn với anh N.
- Về con chung: Chị L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình giải quyết vụ kiện tại bản tự khai ngày 25/02/2020, biên bản hòa giải ngày 25/02/2020 và biên bản hòa giải ngày 27/4/2020 bị đơn anh Phan Văn N trình bày:**

Anh N đồng ý với lời trình bày của chị L về ngày tháng vợ chồng chung sống, có đăng ký kết hôn, có một người con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung như trên là đúng.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh N không đồng ý ly hôn với chị L vì anh N còn thương vợ con muốn vợ chồng trở về chung sống.

- Về con chung: Anh N đồng ý giao con cho chị L nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Anh Phan Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Phan Văn N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N chung sống với nhau được UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/8/2007, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị L là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, vợ chồng anh chị chung sống với nhau đến tháng 6/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị L cho rằng do anh N không lo làm ăn để nuôi sống gia đình, không có trách nhiệm với vợ con, anh N hay uống rượu chè, ghen tuông vô cớ về nhà kiểm chuyện đập phá đồ đạc đánh chửi chị L, chị L đã làm đơn xin ly hôn lần thứ nhất nộp tại Tòa án vào tháng

01/2019, Tòa án đã hòa giải động viên để vợ chồng hàn gắn, chị L cũng đồng ý rút đơn ly hôn cho anh N cơ hội để vợ chồng chung sống lại, nhưng anh N lại chứng nào tật nấy không sửa đổi. Tại phiên tòa, chị L thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Mặt khác, chị L và anh N đã ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L được ly hôn với anh N .

[3] Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị L và anh N phù hợp với nguyện vọng của cháu Thanh T : Giao cho chị L tiếp tục nuôi người con tên Phan Thanh T , sinh ngày 05/9/2007. Chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản, nữ trang chung, nợ chung: Chị L , anh N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị L phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Phan Văn N .

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi người con tên Phan Thanh T , sinh ngày 05/9/2007. Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Phan Văn N cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Phan Văn N tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. Về quan hệ tài sản, nữ trang, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003662 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Phan Văn N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã T ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến